

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT

Lần đầu: 08/06/2017

BEATIL® 8 mg/10 mg
viên nén

BEATIL® 8 mg/10 mg
viên nén

Perindopril
tert-butylamine/
Amlodipine

Hộp 3 vỉ x 10 viên nén

3x10

GRPL 0000

000000

K-20883-1.1
GRPL 0000

GRPL 0000

BEATIL® 8 mg/10 mg viên nén

Mỗi viên nén chứa: 8 mg perindopril tert-butylamine và 10 mg amlodipine (dưới dạng muối besilate).

THUỐC BÁN THEO ĐƠN.
THUỐC UỐNG.
CHỈ ĐỊNH, CHỐNG CHỈ ĐỊNH VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC: XIN ĐỌC TRONG TỜ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KÈM THEO.
ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM.
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.
BẢO QUẢN Ở NHIỆT ĐỘ DƯỚI 30°C, TRONG BAO BÌ GỐC ĐỂ TRÁNH ẨM VÀ ÁNH SÁNG.

Sản xuất bởi:
Gedeon Richter Polska Sp. z o.o.
ul. ks. J. Poniatowskiego 5, 05-825 Grodzisk Mazowiecki,
Poland

Xuất xưởng và giữ giấy phép lưu hành sản phẩm bởi:
Gedeon Richter Plc.
Gyömrői út 19-21., Budapest, 1103, Hungary

DNMK:

SDK:VN-

GEDEON RICHTER



név/name	Beatil 8mg/10mg	ország/country	VN
szám/number	K-20883-1.1	kiszerezés/quantity	30x
méret/size	60x25x130 mm	lípustype	crt
színek/colour	■ P 200 ■ P 280 ■ P 7505	unvarnished area	
betűméret/font size	7 pt	embossing	
dátum/date	2013.06.04.	megjegyzés/comment	(RG d25 - 8/8)
grafikus/designer	Letti/jav.:Móni/jav.:Kato - 2013.06.06.		

BEATIL® 8 mg/10 mg
viên nén
Perindopril tert-butylamine/Amlodipine
Gedeon Richter Polska Sp. z o.o., Poland
Gedeon Richter Plc.
Budapest, Hungary

BEATIL® 8 mg/10 mg
viên nén
Perindopril tert-butylamine/Amlodipine
Gedeon Richter Polska Sp. z o.o., Poland
Gedeon Richter Plc.
Budapest, Hungary

BEATIL® 8 mg/10 mg
viên nén
Perindopril tert-butylamine/Amlodipine
Gedeon Richter Polska Sp. z o.o., Poland
Gedeon Richter Plc.
Budapest, Hungary

BEATIL® 8 mg/10 mg
viên nén
Perindopril tert-butylamine/Amlodipine
Gedeon Richter Polska Sp. z o.o., Poland
Gedeon Richter Plc.
Budapest, Hungary

D

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN
TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Gedeon Richter

Gedeon Richter Polska Sp. z o.o., Poland
Gedeon Richter Plc.
Budapest, Hungary

BEATIL® 8 mg/10 mg
viên nén
Perindopril tert-butylamine/Amlodipine
Gedeon Richter Polska Sp. z o.o., Poland
Gedeon Richter Plc.
Budapest, Hungary

BEATIL® 8 mg/10 mg
viên nén
Perindopril tert-butylamine/Amlodipine
Gedeon Richter Polska Sp. z o.o., Poland
Gedeon Richter Plc.
Budapest, Hungary

BEATIL® 8 mg/10 mg
viên nén
Perindopril tert-butylamine/Amlodipine
Gedeon Richter Polska Sp. z o.o., Poland
Gedeon Richter Plc.
Budapest, Hungary

BEATIL® 8 mg/10 mg
viên nén
Perindopril tert-butylamine/Amlodipine
Gedeon Richter Polska Sp. z o.o., Poland
Gedeon Richter Plc.
Budapest, Hungary

BEATIL® 8 mg/10 mg
viên nén
Perindopril tert-butylamine/Amlodipine
Gedeon Richter Polska Sp. z o.o., Poland
Gedeon Richter Plc.
Budapest, Hungary

BEATIL® 8 mg/10 mg
viên nén
Perindopril tert-butylamine/Amlodipine
Gedeon Richter Polska Sp. z o.o., Poland
Gedeon Richter Plc.
Budapest, Hungary

név/name	Beatil 8mg/10mg	ország/country	VN
		kiszerelés/quantity	10x
		tipus/type	foil
szám/number	K-20884-1.1	technical drawing	
méret/size	123x51 mm		
színek/colour	■ P 280	numbering area	
		technical information	
bekülméret/font size	9 pt, 7.2 pt (90%)	megjegyzés/comment	
dátum/date	2013.06.06.		
grafikus/designer	Letti		

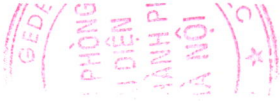


Table with 4 columns: Hệ thống cơ quan theo phân loại MedDRA, Tác dụng không mong muốn, Anabodipine, Tần suất. Rows include: Nhiệm vụ và nhiệm vụ lâm sàng, Các rối loạn máu và hệ thống bạch huyết, Hệ tuần hoàn, Hệ thần kinh, Mắt, Tai và mắt, Tim, Moch, Hệ hô hấp, ngực và trung thất, Hệ thống tiêu hóa, Gan mật, Da và mô dưới da, Cơ xương khớp và mô liên kết, Thận và tiết niệu, Hệ sinh sản và tuyến vú và chi, Thông số xét nghiệm.

amblyopia, các thuốc ức chế thụ thể hoặc các chất thay thế thuốc ức chế thụ thể, hoặc những bệnh nhân đang có loại thuốc khác có nguy cơ tăng kali huyết (ví dụ heparin). Việc sử dụng các thuốc bổ sung kali, thuốc lợi tiểu giữ kali hoặc các chất thay thế muối có chứa kali đặc biệt ở những bệnh nhân suy thận có thể dẫn đến tăng kali huyết. Tăng kali huyết gây rối loạn nhịp tim nghiêm trọng đôi khi gây tử vong. Nếu phải sử dụng đồng thời paracetamol với kali bổ sung, nên cân nhắc giảm liều paracetamol để tránh tăng nồng độ thuốc trong huyết tương.

Bệnh nhân dị ứng chéo: Các triệu chứng dị ứng chéo đã báo động đáng kể ở bệnh nhân mắc các bệnh sốt dị ứng hoặc các bệnh dị ứng khác. Những bệnh nhân này có thể có phản ứng chéo với các thành phần của thuốc. Những bệnh nhân này có thể có phản ứng chéo với các thành phần của thuốc.

Liên quan đến amblyopia: Trong các nghiên cứu lâm sàng có đối chứng, liên quan tới bệnh nhân bị bệnh nhân suy thận mãn tính, việc sử dụng các thuốc bổ sung kali, thuốc lợi tiểu giữ kali hoặc các chất thay thế muối có chứa kali đặc biệt ở những bệnh nhân suy thận có thể dẫn đến tăng kali huyết. Tăng kali huyết gây rối loạn nhịp tim nghiêm trọng đôi khi gây tử vong. Nếu phải sử dụng đồng thời paracetamol với kali bổ sung, nên cân nhắc giảm liều paracetamol để tránh tăng nồng độ thuốc trong huyết tương.

Phụ nữ có thai và cho con bú: Ảnh hưởng của các chất phối hợp này chưa được nghiên cứu đầy đủ. Các nghiên cứu về tác dụng của các thành phần của thuốc đã được thực hiện ở bệnh nhân mắc các bệnh sốt dị ứng hoặc các bệnh dị ứng khác. Những bệnh nhân này có thể có phản ứng chéo với các thành phần của thuốc.

Phụ nữ có thai và cho con bú: Ảnh hưởng của các chất phối hợp này chưa được nghiên cứu đầy đủ. Các nghiên cứu về tác dụng của các thành phần của thuốc đã được thực hiện ở bệnh nhân mắc các bệnh sốt dị ứng hoặc các bệnh dị ứng khác. Những bệnh nhân này có thể có phản ứng chéo với các thành phần của thuốc.

Phụ nữ có thai và cho con bú: Ảnh hưởng của các chất phối hợp này chưa được nghiên cứu đầy đủ. Các nghiên cứu về tác dụng của các thành phần của thuốc đã được thực hiện ở bệnh nhân mắc các bệnh sốt dị ứng hoặc các bệnh dị ứng khác. Những bệnh nhân này có thể có phản ứng chéo với các thành phần của thuốc.

Phụ nữ có thai và cho con bú: Ảnh hưởng của các chất phối hợp này chưa được nghiên cứu đầy đủ. Các nghiên cứu về tác dụng của các thành phần của thuốc đã được thực hiện ở bệnh nhân mắc các bệnh sốt dị ứng hoặc các bệnh dị ứng khác. Những bệnh nhân này có thể có phản ứng chéo với các thành phần của thuốc.

Phụ nữ có thai và cho con bú: Ảnh hưởng của các chất phối hợp này chưa được nghiên cứu đầy đủ. Các nghiên cứu về tác dụng của các thành phần của thuốc đã được thực hiện ở bệnh nhân mắc các bệnh sốt dị ứng hoặc các bệnh dị ứng khác. Những bệnh nhân này có thể có phản ứng chéo với các thành phần của thuốc.

Phụ nữ có thai và cho con bú: Ảnh hưởng của các chất phối hợp này chưa được nghiên cứu đầy đủ. Các nghiên cứu về tác dụng của các thành phần của thuốc đã được thực hiện ở bệnh nhân mắc các bệnh sốt dị ứng hoặc các bệnh dị ứng khác. Những bệnh nhân này có thể có phản ứng chéo với các thành phần của thuốc.

Phụ nữ có thai và cho con bú: Ảnh hưởng của các chất phối hợp này chưa được nghiên cứu đầy đủ. Các nghiên cứu về tác dụng của các thành phần của thuốc đã được thực hiện ở bệnh nhân mắc các bệnh sốt dị ứng hoặc các bệnh dị ứng khác. Những bệnh nhân này có thể có phản ứng chéo với các thành phần của thuốc.

Phụ nữ có thai và cho con bú: Ảnh hưởng của các chất phối hợp này chưa được nghiên cứu đầy đủ. Các nghiên cứu về tác dụng của các thành phần của thuốc đã được thực hiện ở bệnh nhân mắc các bệnh sốt dị ứng hoặc các bệnh dị ứng khác. Những bệnh nhân này có thể có phản ứng chéo với các thành phần của thuốc.

Phụ nữ có thai và cho con bú: Ảnh hưởng của các chất phối hợp này chưa được nghiên cứu đầy đủ. Các nghiên cứu về tác dụng của các thành phần của thuốc đã được thực hiện ở bệnh nhân mắc các bệnh sốt dị ứng hoặc các bệnh dị ứng khác. Những bệnh nhân này có thể có phản ứng chéo với các thành phần của thuốc.

Phụ nữ có thai và cho con bú: Ảnh hưởng của các chất phối hợp này chưa được nghiên cứu đầy đủ. Các nghiên cứu về tác dụng của các thành phần của thuốc đã được thực hiện ở bệnh nhân mắc các bệnh sốt dị ứng hoặc các bệnh dị ứng khác. Những bệnh nhân này có thể có phản ứng chéo với các thành phần của thuốc.

Phụ nữ có thai và cho con bú: Ảnh hưởng của các chất phối hợp này chưa được nghiên cứu đầy đủ. Các nghiên cứu về tác dụng của các thành phần của thuốc đã được thực hiện ở bệnh nhân mắc các bệnh sốt dị ứng hoặc các bệnh dị ứng khác. Những bệnh nhân này có thể có phản ứng chéo với các thành phần của thuốc.

Phụ nữ có thai và cho con bú: Ảnh hưởng của các chất phối hợp này chưa được nghiên cứu đầy đủ. Các nghiên cứu về tác dụng của các thành phần của thuốc đã được thực hiện ở bệnh nhân mắc các bệnh sốt dị ứng hoặc các bệnh dị ứng khác. Những bệnh nhân này có thể có phản ứng chéo với các thành phần của thuốc.

Phụ nữ có thai và cho con bú: Ảnh hưởng của các chất phối hợp này chưa được nghiên cứu đầy đủ. Các nghiên cứu về tác dụng của các thành phần của thuốc đã được thực hiện ở bệnh nhân mắc các bệnh sốt dị ứng hoặc các bệnh dị ứng khác. Những bệnh nhân này có thể có phản ứng chéo với các thành phần của thuốc.

Phụ nữ có thai và cho con bú: Ảnh hưởng của các chất phối hợp này chưa được nghiên cứu đầy đủ. Các nghiên cứu về tác dụng của các thành phần của thuốc đã được thực hiện ở bệnh nhân mắc các bệnh sốt dị ứng hoặc các bệnh dị ứng khác. Những bệnh nhân này có thể có phản ứng chéo với các thành phần của thuốc.

Phụ nữ có thai và cho con bú: Ảnh hưởng của các chất phối hợp này chưa được nghiên cứu đầy đủ. Các nghiên cứu về tác dụng của các thành phần của thuốc đã được thực hiện ở bệnh nhân mắc các bệnh sốt dị ứng hoặc các bệnh dị ứng khác. Những bệnh nhân này có thể có phản ứng chéo với các thành phần của thuốc.

Phụ nữ có thai và cho con bú: Ảnh hưởng của các chất phối hợp này chưa được nghiên cứu đầy đủ. Các nghiên cứu về tác dụng của các thành phần của thuốc đã được thực hiện ở bệnh nhân mắc các bệnh sốt dị ứng hoặc các bệnh dị ứng khác. Những bệnh nhân này có thể có phản ứng chéo với các thành phần của thuốc.

Phụ nữ có thai và cho con bú: Ảnh hưởng của các chất phối hợp này chưa được nghiên cứu đầy đủ. Các nghiên cứu về tác dụng của các thành phần của thuốc đã được thực hiện ở bệnh nhân mắc các bệnh sốt dị ứng hoặc các bệnh dị ứng khác. Những bệnh nhân này có thể có phản ứng chéo với các thành phần của thuốc.

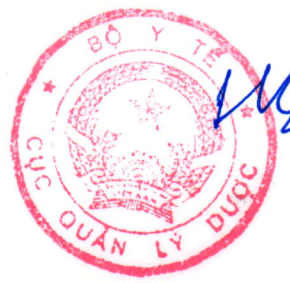
Phụ nữ có thai và cho con bú: Ảnh hưởng của các chất phối hợp này chưa được nghiên cứu đầy đủ. Các nghiên cứu về tác dụng của các thành phần của thuốc đã được thực hiện ở bệnh nhân mắc các bệnh sốt dị ứng hoặc các bệnh dị ứng khác. Những bệnh nhân này có thể có phản ứng chéo với các thành phần của thuốc.

Phụ nữ có thai và cho con bú: Ảnh hưởng của các chất phối hợp này chưa được nghiên cứu đầy đủ. Các nghiên cứu về tác dụng của các thành phần của thuốc đã được thực hiện ở bệnh nhân mắc các bệnh sốt dị ứng hoặc các bệnh dị ứng khác. Những bệnh nhân này có thể có phản ứng chéo với các thành phần của thuốc.

ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN
Bảo quản ở nhiệt độ dưới 30°C, trong bao bì gốc, để tránh ẩm và ánh sáng.
HẠN DÙNG CỦA THUỐC
2 năm kể từ ngày sản xuất.

TÊN DƯỢC CHẤT
TÊN DƯỢC CHẤT HOẠT ĐỘNG:
TÊN DƯỢC CHẤT HOẠT ĐỘNG:
TÊN DƯỢC CHẤT HOẠT ĐỘNG:
TÊN DƯỢC CHẤT HOẠT ĐỘNG:





Handwritten signature

TUQ.CUC TRUONG
P.TRUONG PHONG
Phạm Thị Văn Hạnh

19

név/name	Bectil		ország/country	VN
szám/number	K-20885-1.1		tipus/type	pil
méret/size	210x640 mm		papír súly/paper weight	
szín/colour	P 280		sorköz/leading	
belülméret/font size	7.4 pt	karakter/character	szóköz/space	
dátum/date	2013.06.04.	45 600	betű tipus/font type	
grafikus/designer	Letti/jav.:Móni			